

---

## NGHIÊN CỨU

---

# Đề xuất một số giải pháp nhằm hỗ trợ đưa sản phẩm nghiên cứu vào sản xuất nông nghiệp

Trần Thị Hồng Lan\*

*Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ*

*Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 28 tháng 9 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 5 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 6 năm 2016

**Tóm tắt:** Đưa được kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) vào thực tế sản xuất nông nghiệp đem lại lợi ích kinh tế cho cả các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp (DNSXNN) nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) Trên cơ sở phân tích cung- cầu giữa lý thuyết và thực tế sản xuất, bài viết đề cập một số giải pháp cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trong việc hỗ trợ tiếp cận nhu cầu thị trường, xúc tiến triển khai kết quả NCKH vào thực tế sản xuất nông nghiệp.

**Từ khóa:** Sản xuất nông nghiệp; Kết quả NCKH; Ứng dụng KH&CN; Kết nối cung -cầu công nghệ; Chính sách khuyến khích ứng dụng, đổi mới, phát triển công nghệ.

### 1. Giới thiệu tổng quan

Nước ta là nước nông nghiệp, có điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Kinh nghiệm sản xuất của những người lao động tham gia sản xuất nông nghiệp được đúc kết qua rất nhiều năm. Giá trị xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp chiếm tỉ trọng tương đối lớn (khoảng 25% tổng giá trị xuất khẩu cả nước). Cụ thể, nước ta đã đạt được những thành tựu nổi bật trong sản xuất nông nghiệp như đứng thứ 2 thế giới về sản lượng xuất khẩu gạo, đứng thứ 2 thế giới về sản xuất và xuất khẩu cà phê, ngoài ra còn có các sản

phẩm quan trọng khác như hạt tiêu, hạt điều, cao su, thủy hải sản... Tuy nhiên, về sản lượng và giá trị xuất khẩu này hoàn toàn chưa tương xứng với tiềm năng của sản xuất nông nghiệp nước ta.

Xác định được tầm quan trọng của sản xuất nông nghiệp đối với nền kinh tế, Nghị quyết Trung ương 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ [1] đã đánh giá đầy đủ và chính xác về những tồn tại cần khắc phục của nền khoa học và công nghệ Việt Nam. Cụ thể hơn, các Luật, nghị định của chính phủ và các thông tư của các Bộ, ngành đã quy định các chính sách hỗ trợ về thuế, vốn, nhập khẩu công nghệ, quyền sử dụng đất... [2-6]. Tuy nhiên, các chính sách trên chưa thật sự đạt hiệu quả tích cực như mong đợi. Trong bài viết này, tác giả sẽ tiếp cận từ khía

---

\*ĐT.: 84-913373218

Email: tranhonglan.sati@gmail.com

cạnh doanh nghiệp, cơ chế cung cầu khoa học và công nghệ trong nền kinh tế để chỉ ra những khó khăn, trở ngại trong quá trình đưa các kết quả NCKH vào thực tế sản xuất.

Khó khăn, trở ngại thứ nhất đó là phương thức sản xuất, đối với các DNSXNN hiện nay chủ yếu sản xuất thủ công hoặc sử dụng công nghệ lạc hậu, máy móc, thiết bị sản xuất, dây chuyền công nghệ cũ, thiếu đồng bộ từ khâu giống, gieo trồng, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ... Hoạt động đổi mới mới công nghệ chỉ mới diễn ra ở một bộ phận nhỏ các doanh nghiệp còn đa phần chưa quan tâm nghiên cứu phát triển hay đổi mới công nghệ đồng bộ trong chuỗi giá trị sản phẩm. Dẫn đến năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa thấp và giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản Việt Nam.

Khó khăn, trở ngại thứ hai là sự không ổn định về chất lượng sản phẩm, vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn nông sản, là một trong những nguồn gốc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cũng chưa được quan tâm đúng mức. Nguyên nhân chính là quá trình tổ chức sản xuất, tuyển chọn sản phẩm từ khâu thu hoạch, vận chuyển, phân loại sản phẩm, bảo quản, sơ chế, đến đóng gói, cũng chủ yếu dùng phương thức thủ công, cần nhiều nhân công và sử dụng thiết bị, kỹ thuật thô sơ dẫn đến năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không đồng đều, thất thoát sau thu hoạch còn rất cao. Do đó, nông sản Việt Nam gặp nhiều trở ngại khi thâm nhập và tiếp cận các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc...

Hai vấn đề khó khăn, trở ngại có nguyên nhân từ việc tổ chức ứng dụng KH&CN vào thực tế sản xuất nông nghiệp qui mô còn quá nhỏ, thiếu đồng bộ, chưa thật hiệu quả. Đây đang là trở ngại chính, nguồn gốc sâu xa làm cho sản xuất nông nghiệp của nước ta còn chưa đạt được qui mô sản xuất lớn, chưa tạo sự đồng đều chất lượng hàng hóa nông sản, và giá trị không tương xứng với tiềm năng vốn có. Việc triển khai kết quả NCKH vào thực tế còn quá ít cả qui mô, chất lượng và hiệu quả như mong đợi, có nhiều nguyên nhân và xuất phát từ nhiều phía [7].

- Thứ nhất, do quá trình nghiên cứu khoa học chưa tạo các kết quả đồng bộ (nghiên cứu cơ bản - nghiên cứu triển khai - ứng dụng các tiến bộ KH&CN), chưa tạo mẫu hình thuyết phục, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của sản xuất nông nghiệp.

- Thứ hai, giá thành để chuyển giao các sản phẩm công nghệ, thiết bị kỹ thuật còn quá cao so với thu nhập của người nông dân hoặc chưa tương xứng với hiệu quả kinh tế, giá trị sử dụng mà sản phẩm đó đem lại.

- Thứ ba, thông tin về các kết quả NCKH, vai trò tư vấn, kết nối cung cầu công nghệ giữa các tổ chức khoa học, nhà khoa học với doanh nghiệp, người sản xuất còn hạn chế, thị trường khoa học và công nghệ mới hình thành còn non yếu, không đáp ứng kịp yêu cầu của nền kinh tế thị trường đã và đang phát triển trên đất nước.

- Thứ tư, những cơ chế chính sách khuyến khích kết nối cung và cầu KH&CN giữa doanh nghiệp, người sản xuất với các tổ chức, cá nhân nhà khoa học thiếu đồng bộ, chậm và không sát thực tiễn sản xuất...

Bốn nguyên nhân trên khiến cho kết quả của NCKH, các sản phẩm công nghệ và nhu cầu tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp chưa thể kết nối được với nhau. Dẫn đến tổ chức KH&CN thì không đưa được sản phẩm đến nơi cần, còn doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp thì vẫn phải dùng phương pháp thủ công và công nghệ lạc hậu, với giá thành cao, duy trì sản xuất ở quy mô nhỏ... hệ lụy là nông sản Việt Nam không đủ sức cạnh tranh trên thị trường, không mở rộng được thị trường mới ở các nước Tây Âu, phải duy trì thị trường xuất khẩu truyền thống, với giá trị thấp và không yêu cầu chất lượng cao, là nguồn gốc sâu xa của một quá trình dài đã đưa nền nông nghiệp Việt Nam vẫn kém phát triển...

Trên cơ sở đánh giá các khó khăn, trở ngại trên, tác giả đề cập đến một số giải pháp cần thực hiện từ phía doanh nghiệp bao gồm: Khảo sát thị trường, tổ chức sản xuất, phát triển sản phẩm thương mại, nhu cầu ứng dụng, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh các giải pháp thực hiện về phía doanh

ngành, tác giả cũng đề xuất một số cơ chế thực hiện chính sách hỗ trợ đồng bộ từ phía các cơ quan quản lý nhà nước nhằm góp phần đưa tiến bộ KH&CN vào đời sống nói chung và SXNN nói riêng.

## 2. Một số trở ngại chính trong việc đưa kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế sản xuất

Trước hết, như chúng ta đã biết sản phẩm KH&CN chỉ có thể phát triển bền vững nếu có thể tự vận động, đáp ứng được nhu cầu thị trường với chi phí hợp lý nhất. Sau đó, lợi ích kinh tế thiết thực sẽ quay lại tạo động lực để tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm KH&CN. Nói cách khác, doanh nghiệp chính là khách hàng của các sản phẩm KH&CN. Như vậy, để làm tốt được công tác triển khai kết quả NCKH vào sản xuất thì phải luôn đi đôi với hiệu quả kinh tế và giá trị thực sự mà sản phẩm đó đem lại.

Nhìn vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp nói riêng thì quá trình tạo ra lợi nhuận - giá trị gia tăng, bao gồm một chuỗi các hoạt động sau:

- Xác định đối tượng sản phẩm.
- Xác định vùng, chất lượng nguyên liệu.
- Kỹ thuật canh tác, chăm sóc
- Thu gom (thu hoạch) nguyên liệu.
- Vận chuyển
- Sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm.
- Tiêu thụ sản phẩm (đầu ra).

Để nâng cao giá trị kinh tế, lợi nhuận thu được, có 3 giải pháp chính: Giảm giá thành đầu vào hoặc tăng giá trị sản phẩm đầu ra và tối ưu là thực hiện cả hai. Như đã nêu ở trên, giá thành sản xuất phụ thuộc chủ yếu vào chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu, nhưng do giá và chất lượng nguyên vật liệu, trình độ cơ giới hóa còn thấp, năng suất lao động thấp, nên đầu vào còn khá cao, tìm các giải pháp hạ được chi phí đầu vào, giải pháp KH&CN, là yếu tố quyết định nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Để tăng giá trị sản phẩm đầu ra, có 2 cách: lựa

chọn được đối tượng sản phẩm có giá trị kinh tế cao hoặc ứng dụng các tiến bộ KH&CN nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, cho ra những sản phẩm có chất lượng đồng đều, ổn định và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Có thể thấy KH&CN tác động đến tất cả các khâu tạo ra giá trị gia tăng của doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Cụ thể:

- Khâu giống: Công nghệ lựa chọn, nghiên cứu phát triển giống cây trồng, vật nuôi phù hợp.
- Khâu kỹ thuật canh tác: Công nghệ canh tác, nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch
- Khâu bảo quản, chế biến: Công nghệ vận chuyển, bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến...

Nếu đưa được các kết quả KHCN phù hợp vào cho một yếu tố trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, có thể đã đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho người sản xuất, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Nhu cầu trên là có thực và đang là vấn đề cấp thiết, nếu muốn nâng tầm sản xuất nông nghiệp nước ta từ phát triển về lượng sang phát triển cả về lượng lẫn về chất. Nếu các sản phẩm KH&CN đáp ứng được các yêu cầu của người sản xuất, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp về tính năng hoạt động, với chi phí hợp lý, chắc chắn sẽ đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho cả hai phía, góp phần quan trọng nâng cao sức cạnh tranh, nâng tầm cho nông sản Việt Nam.

Tuy nhiên, các sản phẩm KH&CN còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình tiếp cận với nhu cầu sản xuất, nhu cầu đổi mới, phát triển KH&CN của người sản xuất, của các doanh nghiệp nông nghiệp, chưa đóng góp được nhiều trong chuỗi tạo ra giá trị của sản xuất nông nghiệp. Những trở ngại bao gồm:

- Khâu khảo sát, tìm hiểu thực tế, đánh giá trình độ công nghệ của sản xuất và sản phẩm nông nghiệp trong chuỗi giá trị, để xác định nhu cầu KH&CN chưa triển khai tốt, chưa sát với nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Do đó, việc định hướng nghiên cứu KH&CN, các kết quả NCKH&CN thường chưa đáp ứng được nhu

cầu sản xuất, thiếu đơn đặt hàng của của người sản xuất và doanh nghiệp nông nghiệp đối với nhà khoa học và tổ chức KH&CN.

- Khâu thiết kế, tạo sản phẩm khoa học chưa phù hợp, đồng bộ với các kỹ thuật liên hoàn khác trong canh tác nên khi tổ chức ứng dụng vào sản xuất thiếu khả thi và giá thành sản phẩm chưa phù hợp với khả năng chi trả của bà con nông dân và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. (thí dụ: Thiết kế máy thu hoạch khoai lang của Viện nghiên cứu lúa đồng bằng sông Cửu Long: nhằm giảm được nhân công lao động thông thường, nhưng không áp dụng được do quá trình thu hoạch bằng máy đã gây ra hư hỏng khá lớn cho sản phẩm... hoặc thiết bị kỹ thuật lên giống trồng khoai khá tốt, nhưng không áp dụng được do không phù hợp kỹ thuật tưới ở địa phương, giá thiết bị công nghệ chỉ đơn chiếc nên khá cao...người sản xuất và doanh nghiệp không thể chấp nhận...)

- Khâu tư vấn: Các quy định về công bố kết quả nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao sản phẩm KH&CN vào thực tiễn SXKD chưa rõ ràng và chưa khép kín quá trình này, dẫn tới tình trạng phổ biến là, nghiên cứu tách rời tư vấn, tư vấn tách rời chuyển giao và chuyển giao tách rời ứng dụng. Khoảng cách giữa nghiên cứu với tư vấn, chuyển giao và ứng dụng KH&CN vào

NN, NT là khá xa và chưa có cơ chế kết nối, dẫn tới nhiều sản phẩm KH&CN không được ứng dụng vào thực tiễn SXKD trong NN,NT, vừa lãng phí tiền nghiên cứu, vừa không đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn; Chưa có cơ chế ràng buộc thường xuyên và các chế tài đủ mạnh để thúc đẩy phát triển mối quan hệ gắn kết lành mạnh, bền vững giữa các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao và ứng dụng KH&CN vào NN, NT. Vì vậy, các kết quả sáng tạo KH&CN rất chậm đưa vào hoạt động tư vấn, chuyển giao tới các đối tượng ứng dụng [7].

### 3. Các giải pháp cho doanh nghiệp

#### 3.1. Lựa chọn đối tượng sản phẩm

Ngay từ khâu định hướng lập kế hoạch ban đầu, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp đã phải có cái nhìn dài hạn, có khả năng dự đoán nhu cầu thị trường, tiềm năng giá trị kinh tế của các đối tượng sản phẩm.

Ví dụ, tập trung lựa chọn một trong số các sản phẩm chủ lực, có giá trị xuất khẩu cao của nước ta gồm có: thủy sản, gỗ, gạo, cao su, cà phê, hạt tiêu, hạt điều, chè... [8].

Bảng 1. Danh sách 10 nông sản xuất khẩu chủ lực của nước ta từ năm 2004 – 6/2012  
Đơn vị tính: tỷ USD

Nội dung	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	6/2012
Thủy sản	2,4	2,74	3,36	3,76	4,51	4,25	5,01	6,11	2,86
Gỗ & SP gỗ	1,05	1,51	1,90	2,40	2,83	2,59	3,43	3,95	2,19
Gạo	0,94	1,40	1,30	1,49	2,89	2,66	3,24	3,65	1,75
Cao su	0,58	0,78	1,27	1,39	1,60	1,20	2,38	3,23	1,20
Cà phê	0,59	0,72	1,10	1,91	2,11	1,73	1,85	2,75	2,20
Hạt điều	0,42	0,48	0,50	0,65	0,91	0,85	1,13	1,47	0,68
Sắn & SP	-	-	-	-	-	0,57	0,56	0,96	0,80
Hạt tiêu	0,15	0,15	0,19	0,27	0,31	0,35	0,42	0,74	0,47
Rau, quả	0,16	0,23	0,26	0,30	0,40	0,44	0,45	0,62	0,36
SP từ cao su	-	-	-	-	-	0,17	0,29	0,39	0,16
Chè	0,09	0,10	0,11	0,13	0,14	0,18	0,20	0,20	0,091
Mây, tre, cói	-	0,18	0,19	0,22	0,22	0,17	0,20	0,20	0,10
Tổng	-	-	10,50	12,60	16,07	15,34	19,15	25,10	-

Nguồn: Tổng hợp từ [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) và [www.argoviet.gov.vn](http://www.argoviet.gov.vn), 8/2012

Do đó, nếu thực hiện được công tác dự báo, lựa chọn đối tượng sản phẩm tốt, sẽ làm gia tăng lợi nhuận trước hết là doanh nghiệp SXNN. Sau đó, kết hợp với các nhà khoa học để tối ưu hóa tổ chức sản xuất, cơ giới hóa quá trình sản xuất, giảm chi phí nhân công, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra đem lại lợi ích cho cả đôi bên, sẽ thúc đẩy cả hai loại hình doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp phát triển.

### 3.2. Tiếp cận thực tế

Sau quá trình lựa chọn đối tượng sản phẩm, doanh nghiệp cần lựa chọn vùng nguyên liệu có điều kiện tự nhiên phù hợp, có truyền thống canh tác sản phẩm đó, cũng như phải tính đến các khía cạnh khác của sản xuất như vận chuyển, phân phối, kho bãi. Nhà nghiên cứu, thiết kế cần có quá trình khảo sát chi tiết về phương thức canh tác, nuôi trồng ngay tại thực địa vùng nguyên liệu. Thông thường bước này hiện nay tiến hành tương đối sơ sài, chưa có sự quan tâm đúng mức về tính khả thi, thời gian và kinh phí..., chỉ căn cứ vào các dự án qui hoạch tổng thể của địa phương, thiếu những đầu tư nghiên cứu các dự án khả thi trong đầu tư sản xuất cho từng vùng, địa bàn cụ thể ( điều tra cơ bản chi tiết về tự nhiên, kinh tế xã hội, tập quán, trình độ kỹ thuật, các tác động kinh tế, xã hội có ảnh hưởng hiệu quả đầu tư...của vùng dự án). Do đó kết quả thu được thường chỉ là các sản phẩm chưa tối ưu về cả trình độ công nghệ, năng lực sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất, chất lượng, kiểu dáng sản phẩm... và cả giá thành sản xuất, do đó nhiều công trình khoa học, sản phẩm công nghệ sau nghiệm thu kết quả của cơ quan có thẩm quyền, không được đưa vào sản xuất, hiệu quả kém...

Ví dụ, Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu thành công máy xới đất tạo giống trồng khoai lang và máy thu hoạch củ khoai lang ở huyện Bình Tân, thành công về kỹ thuật, nhưng không ứng dụng được trong sản xuất, do giá thành thiết bị cao và không phù hợp yêu cầu canh tác, chất lượng sản phẩm thu hoạch bị hư hỏng nhiều so với kỹ thuật truyền thống...

Mặt khác, sau khi sản xuất ra sản phẩm mẫu, chắc chắn chưa thể hoạt động ngay như mong muốn. Đòi hỏi nhà thiết kế công nghệ, thiết bị cần ứng dụng sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ, thiết bị phù hợp qui trình và điều kiện sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động của sản phẩm. Việc này, đòi hỏi tác giả công nghệ, thiết kế phải ăn, ở, sinh hoạt ngay tại thực địa, theo dõi, thu thập các chuỗi dữ liệu trong quá trình sản xuất thử để có điều chỉnh công nghệ, thiết bị cho phù hợp với quá trình sản xuất...nhưng hiện nay nguồn kinh phí hỗ trợ sau nghiệm thu kết quả nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ chưa có chính sách cụ thể, để nối tiếp giai đoạn sản xuất thử và hoàn thiện công nghệ. Vì vậy, sản phẩm KH&CN tạo ra còn khó khăn để tiếp cận, đáp ứng được nhu cầu thực tế của sản xuất nông nghiệp.

### 3.3. Tổ chức sản xuất

Sau sản phẩm mẫu đáp ứng được tương đối yêu cầu về tính năng, công nghệ, tức là đã giải quyết được vấn đề tiếp cận thực tế. Để sản phẩm thực sự trở thành sản phẩm thương mại, đòi hỏi phải có giá thành phù hợp với khả năng chi trả của nông dân và doanh nghiệp hoặc lợi ích do sản phẩm mang lại phải lớn hơn chi phí đầu tư mua máy của doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Do đó, tối ưu hóa quy trình sản xuất cũng như lựa chọn đối tác chế tạo để chuyển giao công nghệ, thiết bị, sản xuất hàng loạt sản phẩm công nghệ để có giá thành sản phẩm hợp lý cung ứng cho nhu cầu sản xuất trở thành nhu cầu cấp thiết, không thể thiếu để thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

Có hai cách để giảm giá thành sản xuất các sản phẩm KH&CN. Cách thứ nhất, cần trực tiếp sản xuất, đòi hỏi tổ chức, doanh nghiệp nông nghiệp có nhà xưởng, máy móc để thực hiện chế tạo toàn bộ hoặc một số khâu quan trọng (tỷ trọng lớn). Cách thứ hai, đòi hỏi tác giả công nghệ, thiết kế phải đưa ra được qui trình vận hành khả thi, dự toán đúng về nguyên vật liệu chế tạo, biện pháp thi công khoa học, định giá được công nghệ gắn sát với thị trường, cùng với

đơn vị đặt hàng trực tiếp thi công sản phẩm và tự chịu trách nhiệm với nhiệm vụ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và các thông số của công nghệ thiết bị chuyển giao của mình. (biện pháp này có yếu tố rủi ro: công nghệ bị sao chép, hay bị đánh cắp công nghệ dễ dàng sau khi đã sản xuất được một mẫu sản phẩm).

Khi đã có sản phẩm tốt, giá thành cạnh tranh, việc còn lại đòi hỏi doanh nghiệp cần phải có các biện pháp phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm, thông qua các phương tiện truyền thông hiệu quả cao như: Internet, trang web giới thiệu; Truyền hình chuyên mục KH&CN, chuyên mục; KH&CN trong nông nghiệp nông thôn...; Diễn đàn chuyên ngành; Diễn đàn kết nối cung - cầu công nghệ, hội trợ triển lãm, giới thiệu công nghệ...

Làm tốt các biện pháp này, sẽ giúp quảng bá tốt sản phẩm, doanh nghiệp có nhu cầu về sản phẩm, có thể chủ động tìm đến, tham khảo, đặt hàng. Bên cạnh các biện pháp quảng bá sản phẩm, doanh nghiệp cũng phải chủ động thực hiện đăng ký quyền bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ( nhãn hiệu, kiểu dáng, hoặc cao hơn sáng chế, phát minh...) ở cơ quan có thẩm quyền nhằm phòng chống hàng gian, hàng giả, hàng kém phẩm chất, ăn cắp bản quyền...

#### 4. Các giải pháp cho cơ quan quản lý

Như đã phân tích ở trên, các giải pháp về phía doanh nghiệp là tương đối rõ ràng về tiếp cận thị trường, tổ chức sản xuất, quảng bá sản phẩm... Hiệu quả của những giải pháp trên phụ thuộc vào tầm nhìn và chiến lược phát triển doanh nghiệp, khả năng của lãnh đạo cũng như của bộ máy triển khai thực hiện của từng doanh nghiệp. Về phía cơ quan quản lý nhà nước ngoài việc xây dựng và thực thi đúng chính sách khuyến khích ứng dụng, đổi mới, phát triển công nghệ, phát triển doanh nghiệp của nhà nước như: tín dụng, thuế, giao hoặc cho thuê quyền sử dụng đất...tạo điều kiện thuận lợi để các DNNVV được tiếp cận bình đẳng các nguồn lực về vốn, công nghệ... đặc biệt tập trung nâng cao vai trò của khu vực kinh tế tư

nhân (chủ yếu là khối các DNNVV) thông qua việc thực thi có hiệu quả việc bảo hộ quyền sở hữu và bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực để ổn định sản xuất, phát triển kinh doanh; đẩy mạnh triển khai nghiên cứu, cơ chế thương mại hóa các sản phẩm KH&CN được chuyển giao vào SXKD trong NN...còn cần có một số biện pháp mạnh mẽ hơn nhất là cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giao dịch với doanh nghiệp, minh bạch rõ ràng các thông tin đảm bảo quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, người sản xuất, nhà khoa học, phòng chống sách nhiễu, tiêu cực trong mọi khâu, mọi việc khi cá nhân, tổ chức có quan hệ với cơ quan có thẩm quyền ở mọi cấp; hình thành, phát triển nhanh các hoạt động nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao các sản phẩm KH&CN theo sát nhu cầu của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn, tạo phần cung sản phẩm KH&CN vừa đủ về số lượng, vừa đảm bảo về chất lượng cho các hoạt động SXKD trong nông nghiệp, nông thôn; Thúc đẩy hình thành mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức nghiên cứu, tư vấn KH&CN với các DNNVV sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó, nhà nước sẽ ưu tiên hỗ trợ DNNVV các “điều kiện cần” để DN có thể tiếp cận và ứng dụng thành công các sản phẩm KH&CN mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp DNNVV và các tác nhân khác trong NN, NT tháo gỡ khó khăn để phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững và kinh tế nông thôn hiện đại. Việc tổ chức những buổi đối thoại, thân mật trao đổi trực tiếp, chủ động nắm bắt và phối hợp cơ quan chuyên môn tổ chức giới thiệu công nghệ nhằm kết nối cung - cầu giữa doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và cá nhân và các nhà khoa học, các tổ chức KH&CN ...là môi trường tốt để thúc đẩy người sản xuất, doanh nghiệp tin tưởng đầu tư ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ, tạo được sản phẩm có chất lượng, có lợi thế cạnh tranh nông sản trên thương trường. Theo đó, trong từng giai đoạn phát triển cần có sự cụ thể hóa chiến lược phát triển KH&CN cho SXNN đúng với nhu cầu của các DNNVV và các tác nhân khác nói chung và các DNSXNN nói riêng, đặc biệt phải ưu tiên

hỗ trợ ứng dụng các loại sản phẩm NCKH tiên tiến có vai trò thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển nhanh và bền vững [8].

Cụ thể, một số biện pháp đáng chú ý sau:

4.1. Tư vấn, xây dựng cơ sở dữ liệu, định hướng sản phẩm công nghệ : Để hỗ trợ công tác lựa chọn đối tượng sản phẩm một cách hiệu quả, đòi hỏi phải có dự báo, tầm nhìn, chiến lược, qui hoạch phát triển KH&CN từ cơ quan quản lý nhà nước. Các cơ quan nhà nước chuyên ngành cần đầu tư về thời gian và kinh phí để tổ chức khảo sát thực tế, thu thập thông tin đáng tin cậy từ trong và ngoài nước. Dựa trên những thông tin thu được để xây dựng các bản đồ sản phẩm nông nghiệp chủ lực cho từng vùng, cũng như các đối tượng có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao, theo đó đưa ra lộ trình các công nghệ phù hợp để sản xuất sản phẩm, các chuyên gia trong từng lĩnh vực để tư vấn. Hình thành cơ chế và hình thức giao dịch KH&CN giữa bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao; Các hình thức hợp đồng pháp lý được ký kết giữa bên chuyển giao với bên nhận chuyển giao và các phương thức thanh lý hợp đồng, xử lý các tranh chấp nảy sinh giữa 2 bên; Xây dựng hệ thống thông tin về dự báo, tầm nhìn chiến lược, qui hoạch và lộ trình phát triển sản phẩm KH&CN mới... Thực hiện tốt công tác này, các doanh nghiệp sẽ có thể thực hiện được bước lựa chọn sản phẩm hiệu quả, giảm lãng phí khi đầu tư vào các sản phẩm có giá trị kinh tế thấp.

4.2. Tổ chức hội thảo khoa học, cung - cầu công nghệ: Một trong những nguyên nhân khiến cho các tổ chức KH&CN chưa nắm bắt kịp nhu cầu thị trường, còn doanh nghiệp SXNN thì phải chi phí quá cao hoặc mua phải những sản phẩm có chức năng làm việc không như mong đợi, là do họ thiếu cơ hội để tiếp xúc trực tiếp, tìm hiểu thông tin hoặc qua nhiều cầu thương mại trung gian. Việc tổ chức các hội thảo khoa học, các buổi tọa đàm, các hoạt động kết nối cung-cầu công nghệ sẽ là môi trường tốt để các doanh nghiệp, người sản xuất và các nhà khoa học, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, các cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt, chia sẻ thông tin; tọa đàm, tiếp xúc trao đổi,

thương thảo các đơn đặt hàng, ký kết các hợp tác KH&CN, hợp tác đầu tư, chuyển giao KH&CN... để cùng cho ra được các sản phẩm có hàm lượng công nghệ tốt, chất lượng và đạt mục tiêu cạnh tranh trên thương trường. Tổ chức đường dây nóng để DNNVV có thể trao đổi, tư vấn và yêu cầu cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trong điều kiện đi lại khó khăn;

4.3. Hỗ trợ xây dựng, thẩm định dự án, định giá công nghệ: Để xây dựng được một đơn giá sản xuất cạnh tranh, hợp lý, đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất phải nắm chắc được quy trình sản xuất chế tạo máy móc. Tuy nhiên, không phải nhà thiết kế nào, hay nhà khoa học nào cũng có thể thực hiện tốt được khâu tổ chức sản xuất. Để khắc phục tình trạng trên, đòi hỏi các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ cần gắn bó với doanh nghiệp, nắm bắt qui trình sản xuất, phát hiện những khuyết tật sản phẩm, những khiếm khuyết của công nghệ, sự đồng bộ trong điều hành sản xuất có tư vấn, hướng dẫn cho các đơn vị đề xuất các chương trình nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng , đổi mới công nghệ...xây dựng quy trình sản xuất tiên tiến, hiệu quả, với chi phí sản xuất cạnh tranh trên thương trường.

Muốn thực hiện được điều này, các cơ quan quản lý cần phải có đội ngũ chuyên gia tư vấn về thẩm định và định giá công nghệ, thẩm định dự toán, tư vấn dự toán các đề tài, dự án một cách thực tế nhất. Đội ngũ này nên là những nhà chuyên môn có kinh nghiệm về sản xuất chế tạo, về kinh tế, về thị trường, về luật... đã trải qua những vị trí tổ chức sản xuất thực tế tại các doanh nghiệp. Ngoài ra, với sự hiểu biết lâu năm, đội ngũ này có thể tư vấn cho các đơn vị KH&CN tìm đến được các đối tác sản xuất có khả năng chế tạo tốt với mức chi phí hợp lý. Nếu có được đội ngũ thẩm định, tư vấn dự án có thực tế, chắc chắn sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt với giá thành cạnh tranh nhất.

4.4. Giải pháp đăng ký quyền sở hữu công nghiệp: Ngoài trừ các giải pháp hỗ trợ trực tiếp trên, các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ còn cần phải xây dựng một môi trường cạnh tranh lành mạnh, cũng như tạo điều kiện

để các nhà thiết kế, đội ngũ NCKH có thể yên tâm sáng tạo, nghiên cứu mà không phải lo lắng vấn đề bị sao chép sản phẩm trái phép. Các hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp (kiểu dáng sản phẩm, nhãn hiệu, sáng chế, phát minh...) của mọi tổ chức, cá nhân cần phải được nghiêm khắc xử lý đúng qui định pháp luật. Tạo được môi trường an toàn, công bằng cho các đơn vị NCKH, các sáng tạo của các tổ chức, cá nhân nhà khoa học sẽ khích lệ được các nhà khoa học tâm huyết cống hiến để tạo ra các sản phẩm có ích cho cuộc sống.

## 5. Kết luận

Với những cơ chế chính sách hiện hành, còn nhiều cản trở việc đưa tiến bộ KH&CN phục vụ sản xuất, nhất là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, với các giải pháp được đề xuất, có sự tham gia từ nhiều phía: Nhà khoa học, các tổ chức khoa học và công nghệ; người sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất và các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ, hy vọng sẽ góp phần hỗ trợ tích cực, đẩy mạnh được quá trình đưa sản phẩm KH&CN vào sản xuất và đời sống nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng. Bài viết hy vọng sẽ trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ, tiền đề cho những nghiên cứu sâu hơn về cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, thúc đẩy doanh nghiệp SXNN ứng dụng, đổi mới, phát triển KH&CN góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông

nghiệp, nâng vai trò và vị thế các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trên thương trường thế giới.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 có ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác để đưa nhanh kết quả KHCN vào đời sống; ưu đãi về thuế cho đầu tư vào KHCN; được xét hỗ trợ, vay vốn hoặc ưu đãi khác để đổi mới công nghệ; ưu đãi thuế và tín dụng cho hoạt động KHCN; ...
- [2] Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01 tháng 11/2012.
- [3] Nghị định 119/1999/NĐ-CP : “Một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KHCN”.
- [4] Nghị định 80/2007/NĐ-CP: “Doanh nghiệp khoa học và công nghệ: về một số ưu đãi về thuế và quyền sử dụng đất, ngoài các ưu đãi chung còn có các ưu đãi riêng như: được giao quyền sử dụng hoặc sở hữu các kết quả KHCN thuộc sở hữu Nhà nước..”;
- [5] Nghị định 61/2010/NĐ-CP: “Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn”.
- [6] Nghị định 210/2013/NĐ-CP (Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn)
- [7] Trần Thị Hồng Lan, đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng khoa học và công nghệ vào nông nghiệp - nông thôn” năm 2013-2015, tr 137-159
- [8] Nguyễn Ngọc Vinh, “Xuất khẩu nông sản VN sau 5 năm gia nhập WTO Thuận lợi & thách thức,” Tạp chí phát triển và hội nhập, Số 7 (17) - Tháng 11-12/2012, tr 38-43.

# A Number of Solutions Proposed to Help Put Research Products into Agricultural Production

Tran Thi Hong Lan

*Technology Application and Development Agency,  
Ministry of Science and Technology, 113 Tran Duy Hung, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Putting the scientific research results into agricultural production can help bring about economic benefits to agricultural production enterprises, particularly the small and medium-sized



enterprises. On the basis of analyzing supply-demand between theory and production realities, the paper deals with a number of solutions for enterprises and State managerial agencies in supporting the accessibility to the market requirements and the promotion of deployment of the results of scientific researches in agricultural production.

*Keywords:* Agricultural production; scientific research results; scientific and technological application; connection of technological supply and demand; the policy on encouraging technological application, innovation and development.